TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2017
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Liên;
2. Bà Phạm Kim Tuyến.

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2017 tại phòng xử án. Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 425/2016/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2016 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1974 trú tại số 95 ấp Bình Phước, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Phan Tấn H, sinh năm 1966 trú tại số 16/1 Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2016; Bản tự khai ngày 28/10/2016; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do vắng mặt một bên đương sự ngày 24/02/2017 và tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Thu T là nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phan Tấn H sống chung năm 1994, đăng ký kết hôn vào năm 2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58 do Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2012.

Thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng cũng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2014 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà T và ông H đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Cũng từ năm 2014 đến nay bà T và ông H đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay, bà Nguyễn Thị Thu T xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nên yêu cầu ly hôn ông Phan Tấn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là Phan Thị Thanh Kiều, sinh ngày 07/5/1994. (Đã trưởng thành và có khả năng tự lao động).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Phan Tấn H nhưng ông H đều không đến Tòa án để làm việc hoặc có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Tòa án đã tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo thời gian, địa điểm theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 58 do Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2012 thì bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phan Tấn H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn ông Phan Tấn H. Ông H cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Tấn H là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống do ông H thường xuyên cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Cũng từ đầu năm 2014 đến nay bà T và ông H không ai quan tâm đến ai nữa.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".

Căn cứ theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè thì "Vợ chồng bà T và ông H có xảy ra mâu thuẫn vì ông H không làm ra tiền để lo cho con, bà T đã dẫn theo con về Bình Khánh tự lo cho con cho đến nay".

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phan Tấn H đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hơn nữa, ông H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc chứng tỏ ông H cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu T ly hôn ông Phan Tấn H là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung là Phan Thị Thanh Kiều, sinh ngày 07/5/1994 (Đã trưởng thành và có khả năng tự lao động).

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Thu T chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19; 51; 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn ông Phan Tấn H

2/ Về con chung: Có 01 con chung là Phan Thị Thanh Kiều, sinh ngày 07/5/1994 (Đã trưởng thành và có khả năng tự lao động).

3/ Về tài sản chung: Không có

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Thu T chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0007191 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A DS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Long